

Số: 3021/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 27 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua bổ sung thuốc tân dược phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh năm 2019**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo số 319/BC-SYT ngày 26/9/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua bổ sung thuốc tân dược phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai năm 2019, gồm các nội dung chính như sau:

**I. Phần dự toán:**

1. Tên dự toán mua sắm: Mua bổ sung thuốc tân dược phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai năm 2019.

2. Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai.

3. Tổng dự toán: 915.520.150 đồng.

*(có danh mục và dự toán mua các mặt hàng thuốc kèm theo)*

4. Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện.

5. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

6. Địa điểm, quy mô thực hiện:

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai.

- Quy mô dự toán: Mua bổ sung thuốc phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai (27 mặt hàng thuốc).

## II. Phần kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Tên gói thầu: Mua bổ sung thuốc tân dược phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai năm 2019.
2. Giá gói thầu: 915.520.150 đồng.
3. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai.
4. Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện.
5. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn, xét theo mặt hàng.
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 10/2019.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo đúng trình tự, quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Y tế, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- CT, PCT1;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- Lưu: VT, VX2, TH2.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Hưng**



**DỰ TOÁN MUA THUỐC BỔ SUNG CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: 3024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hoạt chất	Nồng độ	Dạng bào chế, đường dùng	Nhóm	HSD (tháng)	ĐVT	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
1	Acetazolamid	250mg	Viên, uống	N3	36	Viên	1.000	735	735.000
2	Atropin sulfat	0,25mg/1ml	Dung dịch, tiêm	N3	36	Ống	10.000	525	5.250.000
3	Brimonidine	7,5mg/5ml	Dung dịch, nhỏ mắt	N1	24	Lọ	10	103.335	1.033.350
4	Calcium folinate, 10mg/ml Acid folic	100mg/10ml	Dung dịch, Tiêm	N2	24	Lọ	500	140.000	70.000.000
5	Erythromycin, Tretinoin	4%+0,025%/30g	Mỡ, dùng ngoài	N1	36	Tuýp	50	113.000	5.650.000
6	Etoposid	100mg/5ml	Dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	N3	24	Lọ	100	88.998	8.899.800
7	Fluticasone +Salmeterol	(250mcg + 25mcg)/liều x 120 liều	Bình xịt định liều	N5	24	Bình xịt	300	278.090	83.427.000
8	Heparin	25000 UI/5ml	Dung dịch, Tiêm	N2	24	Lọ	1.500	69.700	104.550.000
9	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting)	(700IU+300IU)/10ml	Hỗn dịch tiêm, Tiêm	N1	30	Lọ	3.000	90.000	270.000.000
10	Insuline glarine	1000 UI/10ml	Dung dịch, tiêm	BDG	24	Lọ	150	505.030	75.754.500
11	Ketamin	500mg/10ml	Dung dịch, tiêm	N1	60	Lọ	25	52.500	1.312.500
12	Levothyroxin	100mcg	Viên, uống	N3	24	Viên	9.000	294	2.646.000
13	Lidocain hydroclorid	2% 30g	Gel, dùng ngoài	BD	24	Tuýp	150	55.600	8.340.000
14	Mesna	400mg/4ml	Dung dịch, tiêm truyền	N1	36	Ống	100	36.243	3.624.300
15	Methyl dopa	250 mg	Viên, uống	N3	24	Viên	45.000	609	27.405.000
16	Morphin hydroclorid	10mg/1ml	Dung dịch, tiêm	N3	36	Ống	10.000	4.400	44.000.000
17	Morphin	30 mg	Viên, uống	N3	36	Viên	2.800	6.489	18.169.200
18	Mupirocin	2%/5g	Mỡ, dùng ngoài	N2	24	Tuýp	60	36.000	2.160.000
19	Natri clorid	0,9 % 1000ml	Dung dịch, truyền tĩnh mạch	N3	36	Chai	6.000	16.800	100.800.000
20	Nhũ dịch lipid	20%/250ml	Nhũ dịch, tiêm truyền	N1	24	Chai	100	169.000	16.900.000
21	Nước oxy già	30% -60 ml	Dung dịch, dùng ngoài	N3	36	Lọ	960	1.575	1.512.000
22	Ofloxacin	0,3%; 3.5g	Mỡ, tra mắt	N1	24	Tuýp	50	74.530	3.726.500
23	Ondansetron	8mg	Viên nén tan trong miệng	N2	36	Viên	3.000	10.500	31.500.000
24	Pethidin	100mg/2ml	Dung dịch, tiêm	N1	40	Ống	500	14.690	7.345.000
25	Progesteron	25mg/ml	Dung dịch, tiêm	N1	48	Ống	700	15.000	10.500.000
26	Simethicon	1g	Hỗn dịch, uống	N3	36	Chai	160	17.000	2.720.000
27	Vitamin B6	100mg/1ml	Dung dịch, tiêm	N3	24	Ống	15.000	504	7.560.000
<b>Tổng tiền</b>								<b>915.520.150</b>	